TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 118/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21-5-2024
"V/v Ly hôn giữa chị H và anh H1"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Xóm Hth, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn H1, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Xóm Hth, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị H, anh H1 xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 10 năm 2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 Đ ký kết hôn ngày 18-6-2014 tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, hai người chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Do không thể cùng nhau chung sống nên từ ngày 13/8/2019, hai người sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm đối với nhau từ đó

tới nay. Do thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị H đề nghị được ly hôn anh H1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thanh Ng, sinh ngày 13-3-2015 và cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 22-7-2017. Khi ly hôn, chị H và anh H1 thỏa thuận chị H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thanh Ng, cháu Trần Hải Đ sẽ do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai anh Trần Văn H1 trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 và chị H có quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống và thời gian sống ly thân như chị H đã trình bày. Quá trình chung sống do vợ chồng tính tình hai người không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn, tình cảm lạnh nhạt. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh H1 nhận thấy tình cảm giữa anh H1 và chị H không còn, không thể tiếp tục chung sống nên anh H1 nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thanh Ng, sinh ngày 13-3-2015 và cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 22-7-2017 như chị H đã trình bày. Khi ly hôn, chị H và anh H1 thỏa thuận chị H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thanh Ng, cháu Trần Hải Đ sẽ do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị H và anh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và Đ ký kết hôn tại UBND xã Hải Phú, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định ngày 18-6-2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 thì thấy: Chị H và anh H1 đều thừa nhận quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn. Từ năm 2019 đến nay

đã sống ly thân nhưng hai bên không có biện pháp, hành động để hàn gắn tình cảm và đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cùng nhất trí đề nghị Tòa án cho hai người ly hôn để giải phóng cho nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 thống nhất nếu ly hôn, chị H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thanh Ng, anh H1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hải Đ, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tại văn bản trình bày ý kiến, cháu Ng có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Đ có nguyện vọng ở với bố. Do vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị H và anh H1 cũng như nguyện vọng của cháu Ng và cháu Đ; giao con chung là cháu Trần Thanh Ng cho chị H; giao cháu Trần Hải Đ cho anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị H và anh H1 đều đề nghị hai người tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thanh Ng, sinh ngày 13-3-2015 cho chị H; giao cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 22-7-2017 cho anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị H và anh H1 có nghĩa vụ giao con cho nhau nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị H và anh H1 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0003106 ngày 02-4-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã HP: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái